

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chi tiết giá một số loại đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 476/TTr-STNMT ngày 28 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chi tiết giá một số loại đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum như sau:

1. Đối với đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng: Giá đất được xác định bằng giá đất rừng sản xuất tương ứng cho từng vị trí đất của từng xã, phường, thị trấn theo Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối với các loại đất nông nghiệp khác: Giá đất được xác định bằng giá đất trồng cây hàng năm khác tương ứng cho từng vị trí đất của từng xã, phường, thị trấn theo Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Đối với đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh; đất công trình năng lượng; đất thủy lợi; đất chợ; đất bãi thải, xử lý chất thải: Giá đất được xác định bằng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tương ứng cho từng đường, đoạn đường, vị trí đất của từng xã, phường, thị trấn theo Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

4. Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp: Giá đất được xác định bằng giá đất ở tương ứng cho từng đường, đoạn đường, vị trí đất của từng xã, phường, thị trấn theo Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

5. Đối với đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và đất có mặt nước chuyên dùng nếu sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản thì áp dụng Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản tương ứng với từng vị trí đất của từng xã, phường, thị trấn; sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kết hợp với nuôi trồng thủy sản thì áp dụng Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tương ứng cho từng đường, đoạn đường, vị trí đất của từng xã, phường, thị trấn theo Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

6. Đối với đất phi nông nghiệp do cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng sử dụng; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; đất phi nông nghiệp khác: Giá đất được xác định bằng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tương ứng cho từng đường, đoạn đường, vị trí đất của từng xã, phường, thị trấn theo Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Giá các loại đất quy định tại Điều 1 Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để áp dụng trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013.

Điều 3. Hiệu lực trách nhiệm thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KT văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ Quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Kon Tum;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN.TDL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Tuấn